

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDPM20, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Nguyên Thắng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Xây dựng Nguyên Thắng tại Văn bản số 17/CV-NT ngày 29/4/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-STNMT ngày 13/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,1ha) của Công ty TNHH Xây dựng Nguyên Thắng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ TDPM20, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Chánh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 5,1HA) TẠI MỎ
TDPM20, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN PHÙ MỸ CỦA CÔNG TY TNHH XÂY
DỰNG NGUYỄN THẮNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,1ha) tại mỏ TDPM20, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Dự án).
- Địa điểm thực hiện: tại xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Thắng.
- Địa chỉ liên hệ: 796 Quang Trung, thôn Phú Thiện, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0988 854 406.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,1ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của UBND tỉnh Bình Định là 303.333,7 m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào khai thác là 273.736 m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 02 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

+ Năm thứ 1: 215.950 m³ đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 2: 57.786 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực dự án được chia làm 02 khoảnh khai thác. Thực hiện khai thác, san gạt theo hình thức cuốn chiếu lần lượt từng khoảnh và trồng cây phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác hàng năm.

- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ cos +50m phía Tây Bắc mỏ (điểm góc số 1), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới, kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +50m đến +23m theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam. Sử dụng máy đào có dung tích gầu 1,25m³ để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình. Xe

vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:
- + 03 hố giảm tốc (phía Tây Bắc, phía Tây và phía Nam).
- + Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ có tổng chiều dài 478m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển trong mỏ có tổng chiều dài 720m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông Nam nằm trong ranh giới mỏ, diện tích khoảng 800m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 2,88 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 14.320 m³/ngày, tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 12,64ha.

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 21,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 478m, kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m; mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 720m, kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m. Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Tây Bắc có tọa độ X=1.568.536; Y=596.441, thể tích khoảng 420m³ (diện tích 140m², sâu 3m); hồ giảm tốc số 2 phía Tây có tọa độ: X=1.568.365; Y=596.603, thể tích khoảng 288m³ (diện tích 96m², sâu 3m); hồ giảm tốc số 3 phía Nam có tọa độ X=1.568.279; Y=596.682, thể tích khoảng 900m³ (diện tích 300m², sâu 3m). Kết cấu các hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu nước phía Bắc và Tây Bắc mỏ → hồ giảm tốc số 1 phía Tây Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng phía Tây Bắc dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông, phía Đông Bắc mỏ → mương thu nước dọc tuyến đường nội bộ mỏ → cống ngầm qua đường → hồ giảm tốc số 3 phía Nam mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng phía Nam dự án.

+ Nước mưa mặt bằng dự án → mương thu nước phía Tây và phía Nam mỏ → hồ giảm tốc số 2 phía Tây mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng phía Tây dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gặt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Lượng đá lẫn phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 27.373,6 m³, có kích thước dao động từ 0,5m³ ÷ 1,5m³, Công ty thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn đối với đá lẫn có kích thước lớn từ 1,0m³ trở lên và đối với đá lẫn kích thước nhỏ, bố trí bãi lưu chứa có kè chắn đảm bảo (phía Đông Nam nằm trong ranh giới mỏ, diện tích 1.000m², chiều dài kè chắn khoảng 130m, kích thước: cao 1,0m x đáy lớn 1,5m x đáy nhỏ 0,5m) tại khu vực khai thác hàng năm và sử dụng san gạt, phục hồi môi trường (san lấp hồ giảm tốc, mương thu nước) tại khu vực dự án sau khi kết thúc khai thác.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường san gạt theo trình tự cuốn chiếu hàng năm, cụ thể diện tích PHMT từng năm như sau: năm 1 diện tích 40.810m², năm 2 diện tích 10.190m². Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1	Cấm biển báo	cái	07	Đảm bảo an toàn	Trước khi triển khai dự

	nguy hiểm tại khu vực mỏ			trong quá trình khai thác	án.
2	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	4.590	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây và Tây Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó.
2.1	San gạt đất mặt bằng mỏ	m ³	2.140,3		
2.2	San gạt đá mặt bằng mỏ	m ³	2.449,7		
3	San gạt tuyến đường vận chuyển	m ³	720	Trả lại hiện trạng, đảm bảo lưu thông.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
4	Tháo dỡ kè chắn bãi lưu chứa đá lẫn, đá phong hóa	m ³	130	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
5	San lấp hệ thống mương thu nước, hồ giảm tốc, mương rửa bánh xe	m ³	3.025		
6	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
7	Tháo dỡ cống thoát nước	tấn	3,45	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm, cụ thể: +Năm 1: 40.810m ² , + Năm 2: 10.190m ²
8	Trồng rừng phục hồi môi trường	ha	5,1		
9	Đo vẽ bản đồ địa hình	ha	5,1		Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **956.129.000 đồng** (Chín trăm năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 239.032.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 717.097.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.